

CHỈ SỐ CÔNG TỜ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 3/2016

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	4.047	4.092				
2	102	8	5.247	5.376	129	1.965	253.433	
3	103	8	6.053	6.102	49	1.965	96.265	
4	104	8	4.794	4.860	66	1.965	129.664	
5	105	8	5.078	5.172	94	1.965	184.672	
6	106	8	4.288	4.313	25	1.965	49.115	
7	107	PSHC	1.781	1.789			0	
8	108		1.824	1.834			0	
9	109	8	2.654	2.700	46	1.965	90.372	
10	110	8	3.428			1.965	0	
11	111	8	3.125	3.202	77	1.965	151.274	
12	112	8	5.003	5.069	66	1.965	129.664	
13	113	7	4.161	4.290	129	1.965	253.433	
14	114	7	4.667	4.740	73	1.965	143.416	
15	201	8	3.037	3.107	70	1.965	137.522	
16	202	4	5.339	5.373	34	1.965	66.796	
17	203	8	4.442	4.518	76	1.965	149.310	
18	204	6	7.694	7.890	196	1.965	385.062	
19	205	8	5.492	5.573	81	1.965	159.133	
20	206	8	5.490	5.584	94	1.965	184.672	
21	207	5	3.363	3.414	51	1.965	100.195	
22	208	8	5.714	5.808	94	1.965	184.672	
23	209	8	5.627	5.721	94	1.965	184.672	
24	210	8	5.896	5.951	55	1.965	108.053	
25	211	8	5.292	5.356	64	1.965	125.734	
26	212	8	6.569	6.652	83	1.965	163.062	
27	213	8	6.494	6.581	87	1.965	170.920	
28	214	8	6.014	6.080	66	1.965	129.664	
29	301	1 SV ẩn độ	5.138	5.167	29	1.965	56.973	
30	302	5	6.340	6.369	29	1.965	56.973	
31	303	7	5.973	6.030	57	1.965	111.982	
32	304	8	4.856	4.865	9	1.965	17.681	
33	305	7	6.245	6.343	98	1.965	192.531	
34	306	7	5.129	5.143	14	1.965	27.504	
35	307	PSHC	900	908		1.965	0	
36	308		692	692		1.965	0	
37	309	8	5.431	5.503	72	1.965	141.451	

38	310	8		6.454	6.495	41	1.965	80.549	
39	311	8		3.759	3.819	60	1.965	117.876	
40	312	8		4.969	5.075	106	1.965	208.248	
41	313	8		5.663	5.732	69	1.965	135.557	
42	314	8		6.171	6.223	52	1.965	102.159	
43	401	8		3.974	4.032	58	1.965	113.947	
44	402	8		4.636	4.745	109	1.965	214.141	
45	403	8		3.530	3.584	54	1.965	106.088	
46	404	8		3.561	3.599	38	1.965	74.655	
47	405	1		4.788	4.877	89	1.965	174.849	
48	406	8		6.773	6.857	84	1.965	165.026	
49	407	8		6.169	6.254	85	1.965	166.991	
50	408	8		4.315	4.391	76	1.965	149.310	
51	409	7		5.984	6.081	97	1.965	190.566	
52	410	8		3.807	3.856	49	1.965	96.265	
53	411	8		5.018	5.082	64	1.965	125.734	
54	412	8		6.217	6.291	74	1.965	145.380	
55	413	8		3.990	4.040	50	1.965	98.230	
56	414	8		5.024	5.080	56	1.965	110.018	
57	501	7		3.012	3.077	65	1.965	127.699	
58	502	8		4.715	4.755	40	1.965	78.584	
59	503	7		2.265	2.311	46	1.965	90.372	
60	504	8		3.486	3.543	57	1.965	111.982	
61	505	8		3.640	3.730	90	1.965	176.814	
62	506	1	SVNN TT	4.544	4.619	75	1.965	147.345	
63	507	3	CPC	3.130	3.181	51	1.965	100.195	
64	508	3	SVNN TT	9.264	9.357	93	1.965	182.708	
65	509	4	SVNN TT	5.226	5.259	33	1.965	64.832	
66	510	8		4.042	4.088	46	1.965	90.372	
67	511	8		6.539	6.588	49	1.965	96.265	
68	512	8		3.474	3.511	37	1.965	72.690	
69	513	8		3.459	3.542	83	1.965	163.062	
70	514	8		5.107	5.179	72	1.965	141.451	
	Cộng	465				4.355		8.555.833	

(Bảng chữ: Tám triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 8.160.948 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà